TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 127/2019/QĐST-HNGĐ	*Hà Giang, ngày 01 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 203/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa nguyên đơn anh Bế Nhật H; Địa chỉ: Tổ 11, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; Tạm trú: Thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang và bị đơn chị Bế Thu U; Địa chỉ: Tổ 11, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Bế Nhật H và chị Bế Thu U.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Bế Nhật H và chị Bế Thu U thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: + Cháu Bế Nhật T - SN: 1997 đã trưởng thành.

+ Cháu Bế Nhật A - SN 22/12/2006, hai bên thỏa thuận giao cho anh Bế Nhật H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu A đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Chị Bế Thu U không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- *Vê tài sản chung, công nợ chung*: Không có, không giải quyết.

- *Về án phí:* Anh Bế Nhật H tự nguyện chịu 150.000.đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang, biên lai số 01350 ngày 12 tháng 9 năm 2019.

Trả lại anh H 150.000.đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TPH;
- THADS TPH;
- TAND tỉnh HG;
- UBND phường M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ma Thị Nghị